

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19 /CV-BSGQN

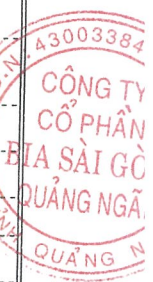
Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận BCTC quý 4/2021
tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Báo cáo tài chính quý 4/2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 54,428,270,472 đồng, tăng 51.33 % (trung đương 18.46 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

Chỉ Tiêu	Mã số	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ %
A	B	4	5	6	7 = 3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	360,338,815,261	325,949,016,246	34,389,799,015	10.55%
2. Các khoản giảm trừ	2	611,275,287	119,295,764	491,979,523	412.40%
3. Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	359,727,539,974	325,829,720,482	33,897,819,492	10.40%
4. Giá vốn hàng bán	11	300,280,809,981	277,388,950,358	22,891,859,623	8.25%
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	59,446,729,993	48,440,770,124	11,005,959,869	22.72%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,855,231,452	3,863,859,770	3,991,371,682	103.30%
7. Chi phí tài chính	22	3,226,114,747	7,390,505,029	(4,164,390,282)	-56.35%
Trong đó: Lãi vay phải trả:	23	2,945,619,856	2,828,214,838	117,405,018	4.15%
8. Chi phí bán hàng	24	2,178,052,227	2,770,591,892	(592,539,665)	-21.39%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,807,266,916	3,921,887,281	(1,114,620,365)	-28.42%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=30+(21-22)-(25+26)		59,090,527,555	38,221,645,692	20,868,881,863	54.60%
11. Thu nhập khác	31	946,664,215	1,965,823,876	(1,019,159,661)	-51.84%
12. Chi phí khác	32	1,255,653,603	1,813,837,230	(558,183,627)	-30.77%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(308,989,388)	151,986,646	(460,976,034)	-303.30%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	58,781,538,167	38,373,632,338	20,407,905,829	53.18%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,395,967,688	2,938,702,957	1,457,264,731	49.59%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(42,699,993)	(532,528,032)	489,828,039	-91.98%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		54,428,270,472	35,967,457,413	18,460,813,059	51.33%



Giải trình nguyên nhân làm tăng lợi nhuận:

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ, làm tăng lợi nhuận.
- Thu nhập từ hoạt động tài chính tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí tài chính giảm.

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính Quý 4/2021 của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư, Phòng TC-KT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



BUI THỊ NHỰ

